



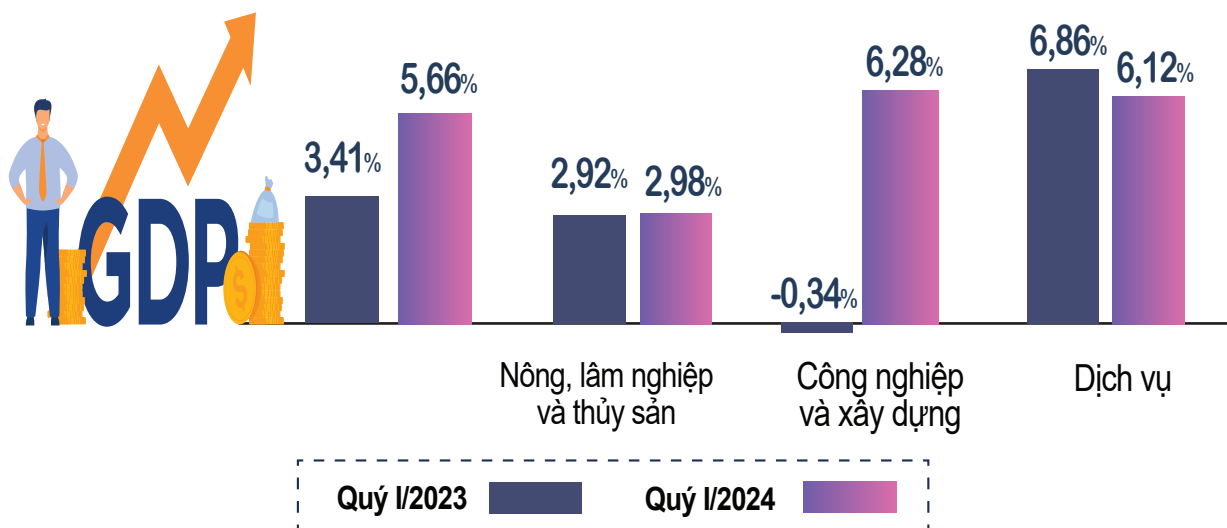
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI



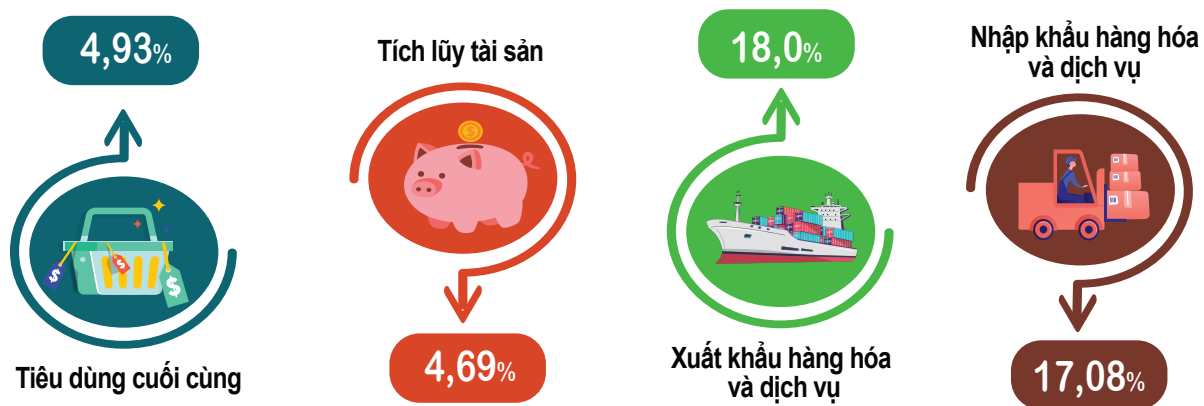
QUÝ I NĂM 2024

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)

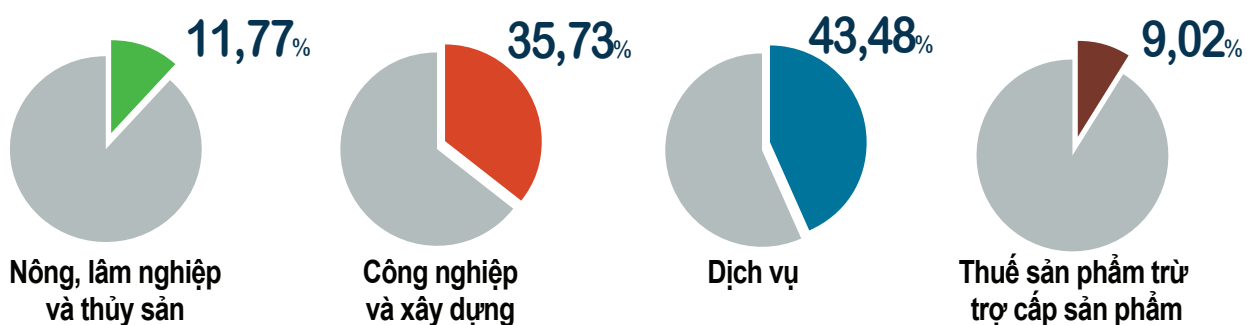
Tốc độ tăng GDP quý I so với cùng kỳ năm trước



GDP theo phương pháp sử dụng



Cơ cấu GDP quý I năm 2024



SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Trồng trọt tính đến 15/3/2024



Gieo trồng lúa và hoa màu
(Nghìn ha; so cùng kỳ năm 2023)



305,5

▲ 1,6%



Ngô

98,4

▼ 1,5%



Lạc

9,6

▼ 0,7%



Đậu tương

42,3

▲ 3,0%



Khoai lang

522,8

▲ 1,2%



Rau, đậu

Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 3/2024 so với cùng thời điểm năm trước



▲ 3,3%

Lợn



▲ 2,1%

Gia cầm



▼ 2,5%

Trâu



▼ 0,1%

Bò

Lâm nghiệp quý I năm 2024



37,3 nghìn ha

▼ 1,4%

Diện tích rừng trồng mới tập trung

3,7 triệu m³

▲ 4,6%



Sản lượng gỗ khai thác

Sản lượng thủy sản quý I năm 2024

Tổng số

1.941,5 nghìn tấn

▲ 2,2%

Nuôi trồng

1.065,0

nghìn tấn

▲ 3,9%

Khai thác

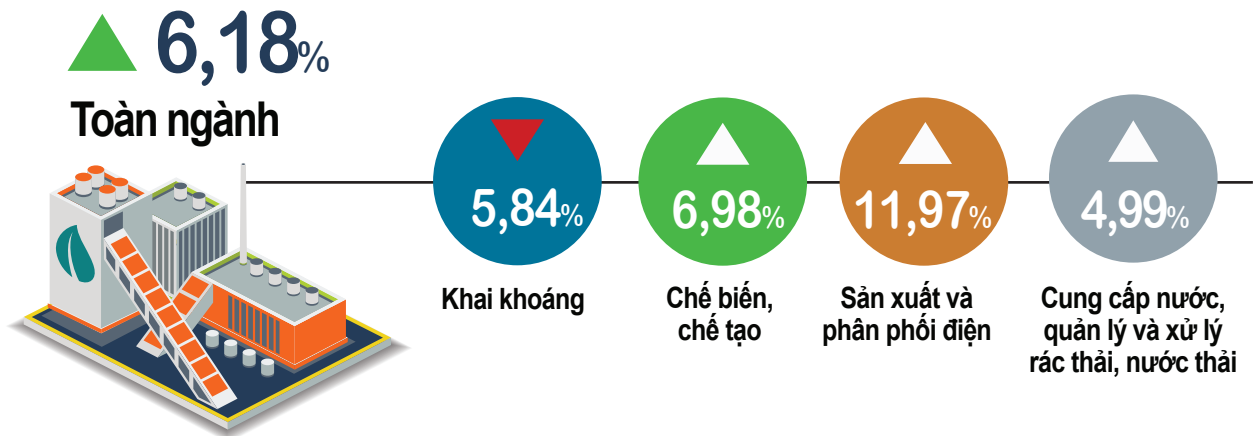
876,5

nghìn tấn

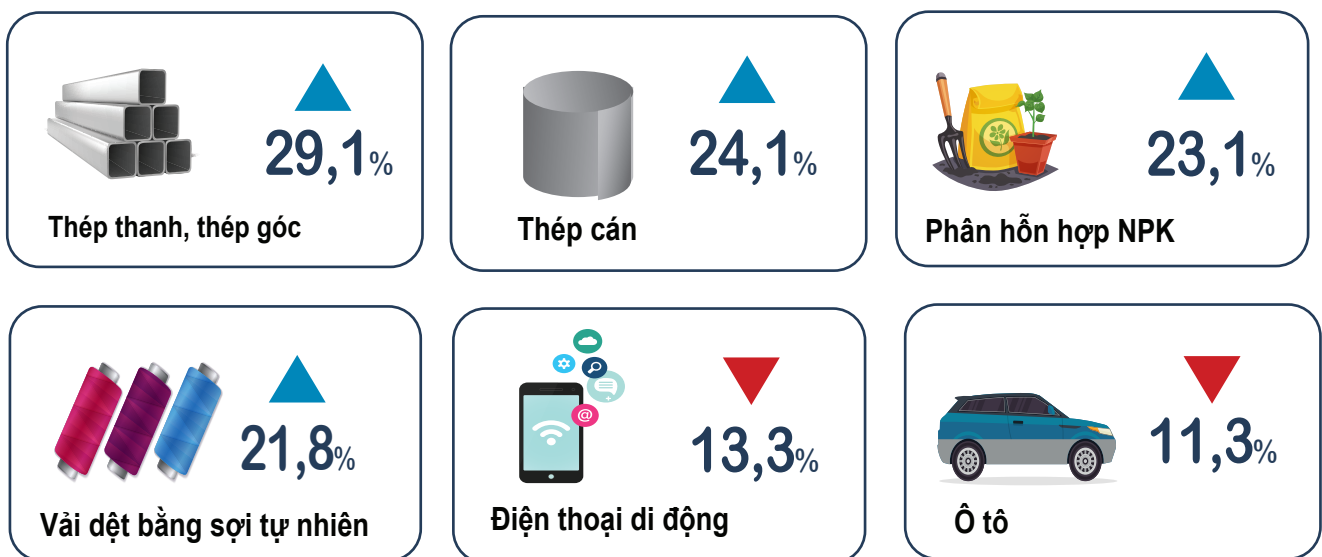
▲ 0,2%

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP QUÝ I NĂM 2024

Tốc độ tăng/giảm giá trị tăng thêm ngành công nghiệp so với cùng kỳ năm trước

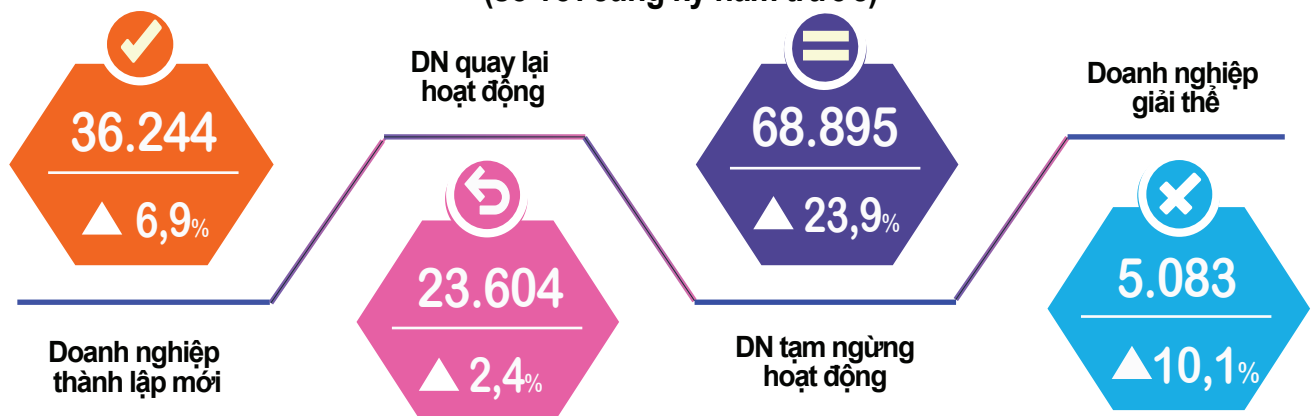


Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với cùng kỳ năm trước



TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUÝ I NĂM 2024

(so với cùng kỳ năm trước)



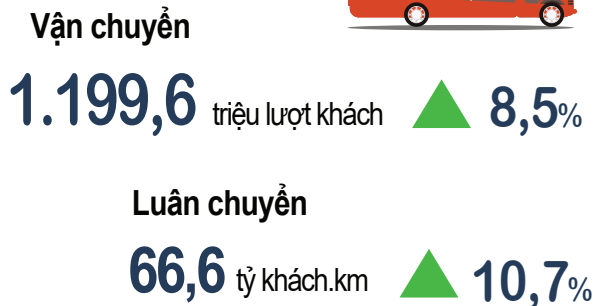
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUÝ I NĂM 2024

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

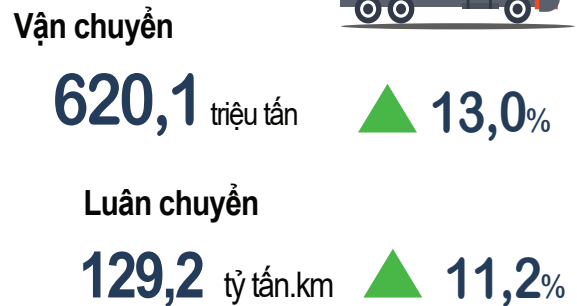


Vận tải hành khách và hàng hóa

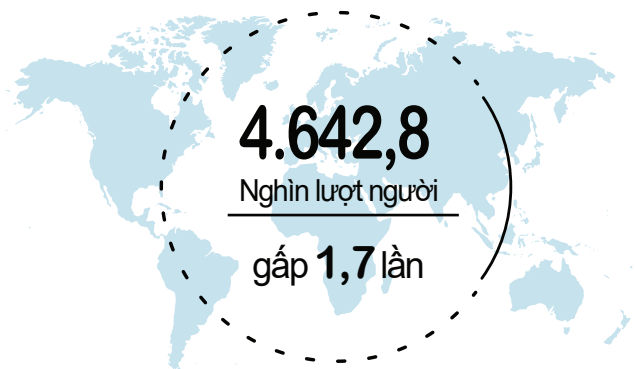
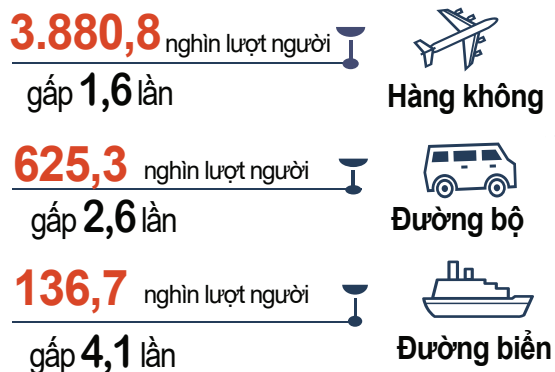
Vận tải hành khách



Vận tải hàng hóa



Khách quốc tế đến Việt Nam



Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)

Châu Á
3.521,9

Châu Âu
661,8

Châu Mỹ
302,3

Châu Úc
143,7

Châu Phi
13,1

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội
quý I năm 2024

Tổng số

613,9

nghìn tỷ đồng

▲ 5,2%

Nhà nước

162,7

nghìn tỷ đồng

▲ 4,9%

Ngoài NN

340,7

nghìn tỷ đồng

▲ 4,2%

FDI

110,5

nghìn tỷ đồng

▲ 8,9%

Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam
từ 1/1 đến 20/3/2024

Tổng vốn đăng ký

6,17 tỷ USD

▲ 13,4%

Tổng vốn thực hiện

4,63 tỷ USD

▲ 7,1%

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUÝ I NĂM 2024

Xuất khẩu

93,06 tỷ USD

▲ 17,0%

Nhập khẩu

84,98 tỷ USD

▲ 13,9%

XUẤT SIÊU

8,08 tỷ USD

CHỈ SỐ GIÁ

99,77%

CPI tháng 3/2024
so với
tháng trước



103,97%

CPI tháng 3/2024
so với
tháng 3/2023



103,77%

CPI bình quân
quý I/2024
so với
quý I/2023



118,23%

Chỉ số giá vàng
bình quân quý I/2024
so với cùng
kỳ năm trước



103,97%

Chỉ số giá đô la Mỹ
bình quân quý I/2024
so với cùng
kỳ năm trước



MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2024

Dân số, lao động, việc làm

Lực lượng lao động 15 tuổi trở lên



52,4 triệu người

tăng **175,8** nghìn người
so với cùng kỳ năm trước

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động



2,24%

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động

2,03%



Thu nhập bình quân tháng của lao động



7,6

triệu đồng/tháng

Dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm



Sốt xuất huyết

gần **12**
nghìn trường hợp



Tay chân miệng

6,7
nghìn trường hợp



Ngộ độc thực phẩm

16 vụ

659

người bị ngộ độc

Tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên

Số vụ tai nạn
(từ ít nghiêm trọng trở lên)

4.465

Bình quân 1 ngày

49

vụ

Số người chết

2.723

Bình quân 1 ngày

30

người

Số người bị thương

2.924

Bình quân 1 ngày

32

người